

# HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI VN30 – BIÊN ĐỘ DAO ĐỘNG HỢP BÁO HIỆU THỜI GIAN BIẾN ĐỘNG MẠNH SẴP TỚI

MBS Research | BẢN TIN PHÁI SINH | 13/12/2017



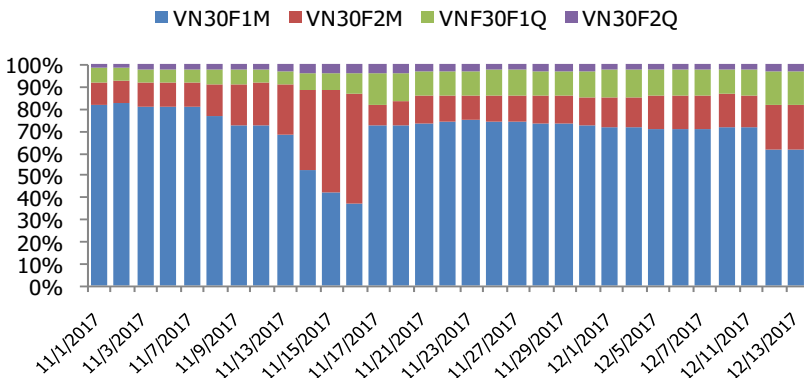
## BIỂU ĐỒ VN30 TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ               | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | +/- FV        |
|------------------|--------------|---------|----------|---------------|
| <b>VN30F1712</b> | 21/12/2017   | 8       | 910      | <b>4.31</b>   |
| <b>VN30F1801</b> | 18/01/2018   | 36      | 908.9    | <b>8.84</b>   |
| <b>VN30F1803</b> | 15/03/2018   | 92      | 930.7    | <b>-6.07</b>  |
| <b>VN30F1806</b> | 21/06/2018   | 190     | 947.8    | <b>-10.98</b> |

## TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường chứng khoán ngày hôm nay dao động trong một biên độ khá hẹp, một điều khá hợp lý sau phiên giao dịch đầy cảm xúc ngày hôm trước. Chỉ số HDTL VN30F1712 tăng mạnh 10 điểm trong phiên ATO, phù hợp với mức chiết khấu 10 điểm chúng tôi đã đề cập trong bản tin trước, tuy nhiên sau đó, lực bán từ thị trường cơ sở đã khiến cho giao dịch phái sinh ở trong một biên độ tương đối hẹp với mức điểm trung bình là 910 điểm.
- Trên thị trường cơ sở, sự hồi phục là khá yếu với khối lượng khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE chỉ đạt 143 triệu cổ phiếu, thấp hơn nhiều so với mức trung bình gần đây là 235 triệu. Điều này cho thấy đợt phục hồi hiện tại không thu hút được sự quan tâm của bên Mua cổ phiếu. Diễn biến đáng chú ý là sự đi xuống của cổ phiếu ngân hàng vào phiên ATC, trong những phiên gần đây, nhóm cổ phiếu ngân hàng giao dịch rất yếu và nếu nhóm này đi xuống vùng hỗ trợ của phiên bán xuống ngày 12/12 thì đó sẽ là tín hiệu xấu cho thị trường ngắn hạn. Nhà Đầu tư nước ngoài giao dịch thấp do đây là thời gian đã gần với kỳ nghỉ lễ của nhóm nhà đầu tư này.
- Từ giờ cho tới cuối tuần có lẽ không phải là thời điểm phù hợp cho phe con bò khi Fed sẽ công bố việc tăng lãi suất (điều không còn là ngạc nhiên vì giới phân tích đã dự đoán xác suất tăng là 87.6%) và ETF sẽ cơ cấu rõ cổ phiếu tại Việt Nam trong đó sẽ bán cổ phiếu trụ cột với số lượng khá lớn, thứ sáu đồng thời là phiên mà cổ phiếu bắt đáy phiên 12/12 về tài khoản. Đến thứ hai tuần sau sẽ là phiên đấu giá Sabeco, tùy vào kết quả của phiên đấu giá mà tâm lý nhà đầu tư sẽ có thể tích cực hoặc không. Trong ngắn hạn, chúng tôi dự phóng chỉ số Vnindex sẽ lùi xuống mức khoảng 910 điểm từ giờ tới cuối tuần và 1) nếu kết quả phiên đấu giá Sabaco là tích cực thì chỉ số có thể tiếp tục hồi phục với ngưỡng kỳ vọng là 943 điểm, 2) trong trường hợp ngược lại, rất có thể điểm số đạt được ngày hôm nay đã là mức điểm cao nhất của đợt phục hồi này trước khi Vnindex tiếp tục quá trình điều chỉnh đi xuống. Xét trong cả xu hướng dao động từ ngày 5/12 tới nay thì phe con gấu (bán xuống) vẫn đang lấn át so với phe con bò (mua lên) và nếu Vnindex mất vùng giá thấp nhất của phiên bán xuống ngày 12/12 (896) thì chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ còn tiếp tục tìm đến vùng đáy mới.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế MUA có thể được thực hiện quanh ngưỡng 910 điểm với kỳ vọng thị trường có thể phục hồi đến 920 (tiêu cực) và 943 (tích cực)  
Vị thế bán đang mở có thể chốt lời tại ngưỡng 910.

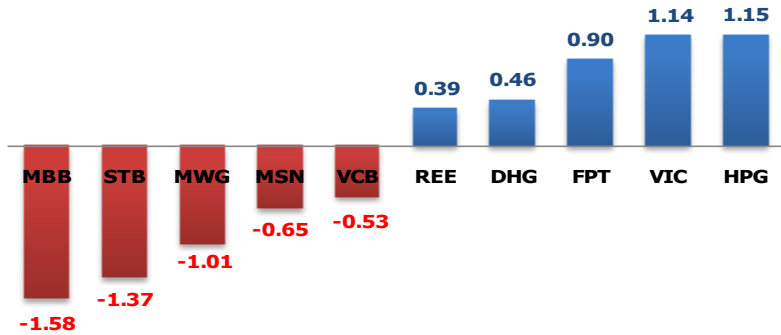
### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Vị thế Bán có thể chờ tại vùng 940 điểm.

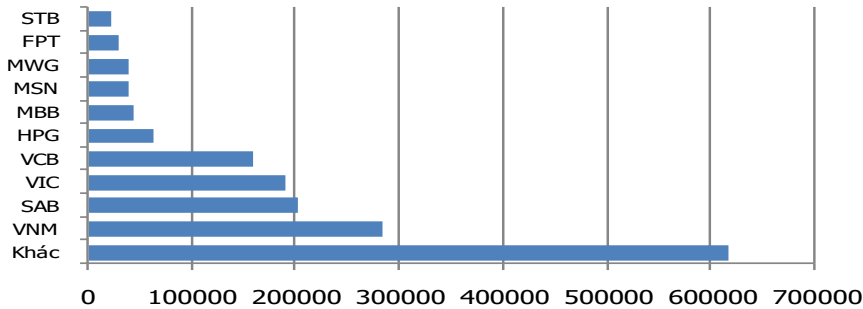
### Chiến lược giao dịch Trung hạn

Xu hướng chính có thể đã là điều chỉnh đi xuống. Vị thế Long tại các ngưỡng 850 điểm trong dài hạn cho VNINDEX là vùng retracements kỳ vọng cho đợt điều chỉnh này.

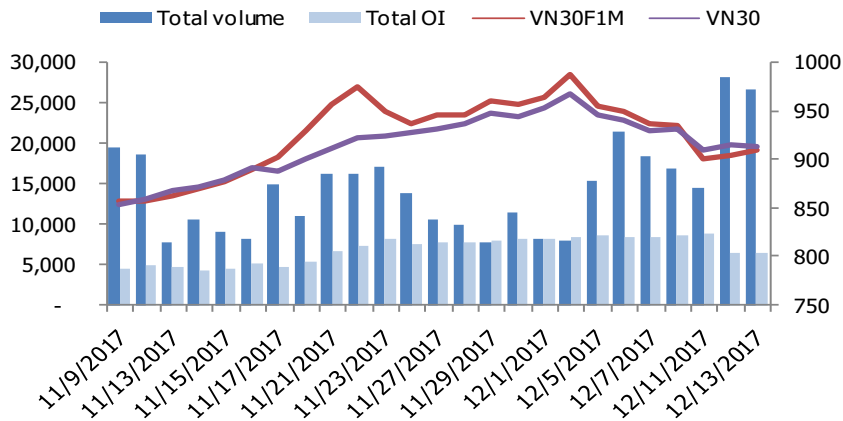
### MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30 INDEX



### TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



### DIỄN BIẾN THANH KHOẢN HẾT L



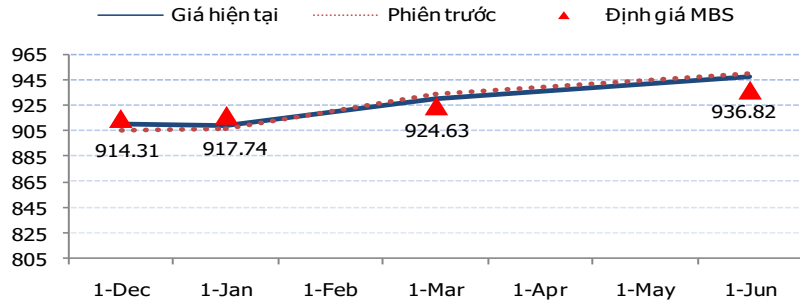
### NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Tâm điểm thị trường phiên hôm nay vẫn tập trung vào nhóm cổ phiếu ngân hàng. Áp lực bán ở nhóm này vẫn khá cao và đây là nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 giảm điểm. Cụ thể, các mã như CTG, STB, VPB, MBB, VCB vẫn đồng loạt giảm khá mạnh, trong đó, CTG giảm 550 đồng xuống 20.850 đồng/CP, STB giảm 450 đồng xuống 12.000 đồng/CP, SHB giảm 100 đồng xuống 8.600 đồng/CP. Bên cạnh đó, hàng loạt cổ phiếu vốn hóa lớn khác là MSN, GAS, MWG, SSI,... cũng đều chìm trong sắc đỏ đã tạo áp lực giảm lên thị trường chung.
- Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 1,49 điểm (-0,16%) xuống 913,33 điểm, số mã tăng giá và giảm giá cân bằng cho thấy sự phân hóa ở nhóm trụ cột. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 39,78 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị đạt 1.679 tỷ đồng.
- Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 13,34 tỷ đồng trên HSX. Trong đó, họ mua ròng các mã như SSI (+27,09 tỷ), MSN (+22,14 tỷ), VIC (+16,96 tỷ), VNM (+15,57 tỷ), VRE (+15,30 tỷ),... Ở chiều ngược lại, họ bán ròng các mã như HPG (-26,26 tỷ), SAB (-15,96 tỷ), VCB (-15,50 tỷ), PLX (-14,45 tỷ), DHG (-14,44 tỷ), GAS (-13,76 tỷ),...

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



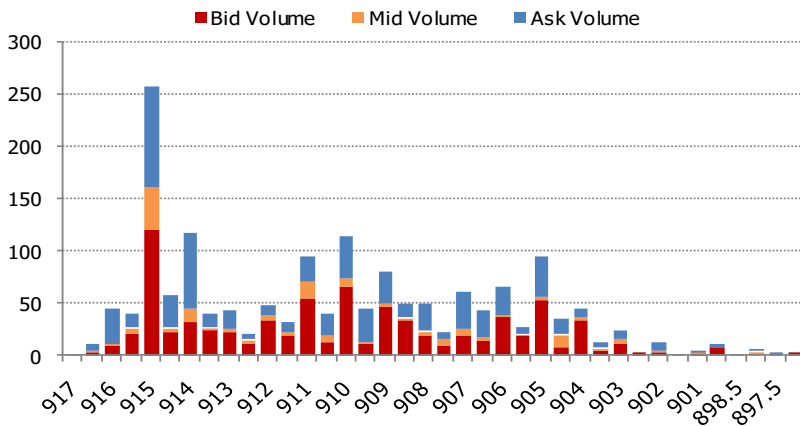
## ĐƯỜNG CONG GIÁ HỢTL CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HỢTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng    | Chỉ số | %+/-<br>Chỉ số | KLGD          | %+/-<br>KLGD  | Vị thế mở<br>cuối ngày | %+/-<br>OI   |
|-------------|--------|----------------|---------------|---------------|------------------------|--------------|
| VN30F1712   | 910    | 0.55           | 24,962        | - 4.40        | 3940                   | -0.23        |
| VN30F1801   | 908.9  | 0.21           | 1,305         | 9.76          | 1258                   | -2.18        |
| VN30F1803   | 930.7  | -0.35          | 231           | - 49.67       | 963                    | -2.53        |
| VN30F1806   | 947.8  | -0.23          | 126           | - 46.61       | 234                    | 4.93         |
| <b>Tổng</b> |        |                | <b>26,624</b> | <b>- 4.89</b> | <b>6,395</b>           | <b>-0.79</b> |

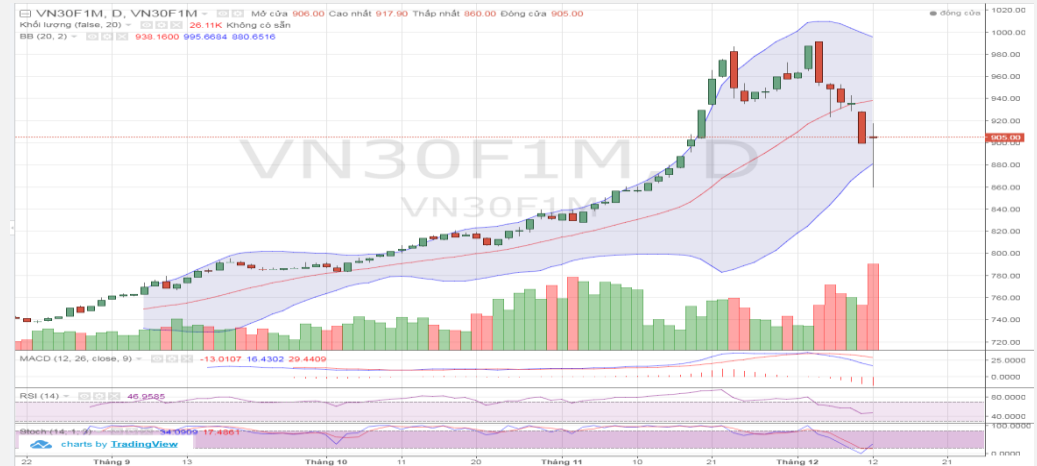
## DIỄN BIẾN THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1712



## NHẬN ĐỊNH ĐIỂN BIẾN GIAO DỊCH HỢTL

- Không biến động mạnh như phiên hôm trước nhưng những diễn biến không rõ xu hướng trên thị trường cơ sở trong phiên hôm nay đã khiến thị trường phái sinh đóng cửa khá phân hóa. Kết thúc phiên giao dịch, hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất tăng điểm với VN30F1712 tăng 5 điểm tương đương 0,55% đạt 910 điểm và VN30F1801 tăng 0,21% đạt 908,9 điểm. Trong khi đó hai hợp đồng kỳ hạn xa hơn là VN30F1803 và VN30F1806 giảm lần lượt 0,35% và 0,23% xuống mức 930,7 và 947,8 điểm. Hiện tại VN30-index đang ở mức 913,33 điểm, giảm 0,16% so với phiên trước. Tương quan giá của chỉ số cơ sở và hợp đồng VN30F1712 giảm xuống còn +3,33 điểm. Basis của VN30F1801 là +4,43 điểm, basis của VN30F1803 đạt -17,37 điểm còn basis của VN30F1806 đạt -34,47 điểm.
- Tổng thanh khoản của cả thị trường hôm nay giảm nhẹ xuống 26.624 hợp đồng được khớp lệnh, giảm 4,89% so với phiên trước. Cụ thể, khối lượng giao dịch hợp đồng VN30F1712 giảm 4,4%, đạt 24.962 hợp đồng, khối lượng giao dịch hợp đồng VN30F1801 tăng 9,76% lên 1.305 hợp đồng, khối lượng giao dịch hợp đồng VN30F1803 đạt 231 hợp đồng giảm 49,67%, khối lượng hợp đồng VN30F1806 giảm 46,61% đạt 126 hợp đồng.
- Hiện tại, giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo cho phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F1712 là 914,31 điểm (cao hơn 4,31 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F1801 là 917,74 điểm (+8,84 điểm), hợp đồng VN30F1803 là 924,63 điểm (-6,07 điểm) và VN30F1806 là 936,82 điểm (-10,98 điểm).

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

| Chỉ số     | Điểm số   | Tăng giảm (%) | P/E   | P/E 2017 | YTD   |
|------------|-----------|---------------|-------|----------|-------|
| VN-index   | 924.40    | - 0.31        | 18.09 | 19.17    | 39.03 |
| Dow Jones  | 24,585.43 | 0.33          | 20.65 | 19.59    | 24.40 |
| S&P 500    | 2,662.85  | - 0.05        | 22.43 | 19.90    | 18.94 |
| Nikkei 225 | 22,760.55 | 0.01          | 19.53 | 19.16    | 19.08 |
| Shanghai   | 3,303.04  | 0.68          | 16.68 | 14.58    | 6.42  |
| DAX        | 13,125.64 | - 0.44        | 19.25 | 14.82    | 14.32 |
| Vàng       | 1,253.94  | - 0.12        | -     | -        | 9.28  |
| Dầu WTI    | 56.82     | 0.39          | -     | -        | 5.77  |

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI**

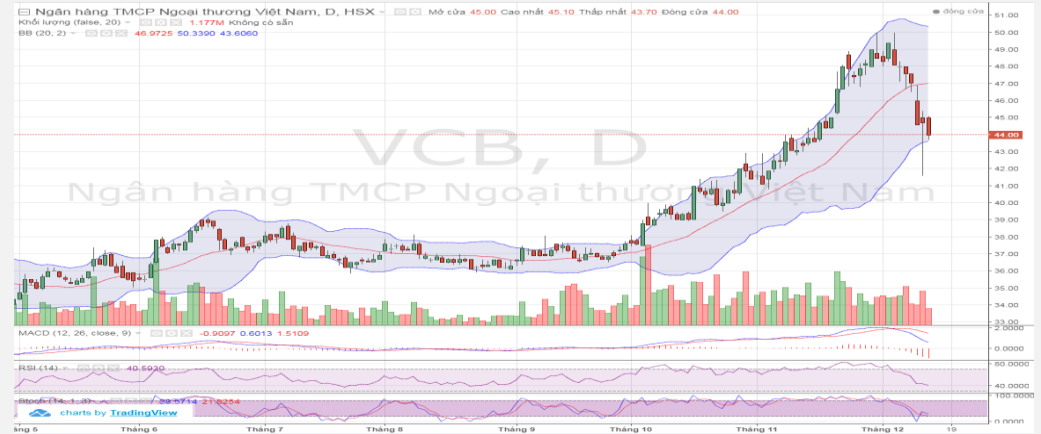
|                                | Kỳ trước   | Dự báo  | Thực tế |
|--------------------------------|--|---------|---------|
| <b>Thứ tư – 13/12/2017</b>     |  |         |         |
| [Đức] CPI tháng 11             | 0.3%   | 0.3%    | 0.3%    |
| [Mỹ] CPI tháng 11              | 0.1%   | 0.4%    | 0.4%    |
| [Mỹ] Biên bản cuộc họp FOMC    | Chủ tịch FED đương nhiệm phát biểu rằng hiện tại lạm phát vẫn đang thấp hơn mức mục tiêu 2%. Những thay đổi trong chính sách thuế có thể sẽ giúp nền kinh tế tăng trưởng mạnh hơn trong năm tới. Ngoài ra với thị trường lao động dồi dào như hiện nay, có thể kỳ vọng mức lương tối thiểu tăng. |         |         |
| [Mỹ] Lãi suất FED              | <1.25%   | <1.5%   | <1.5%   |
| [TQ] Sản lượng công nghiệp y/y | 6.2%   | 6.3%    |         |
| <b>Thứ năm – 14/12/2017</b>    |  |         |         |
| [Thụy Sĩ] Lãi suất LIBOR       | -0.75  | -0.75   |         |
| [Anh] Chỉ số bán lẻ T.11       | 0.3%   | 0.4%    |         |
| [EUR] Hợp báo ECB              |  |         |         |
| [Mỹ] Chỉ số bán lẻ T.11        | 0.2%   | 0.3%    |         |
| [Mỹ] Đơn thất nghiệp tuần      | 236.000  |         |         |
| <b>Thứ sáu – 15/12/2017</b>    |  |         |         |
| [EUR] Cán cân thương mại T.10  | 25.0 tỷ  | 24.6 tỷ |         |

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

- Đúng như dự đoán, FED đã nâng lãi suất và không tăng số lần nâng lãi suất trong năm 2018 so với dự kiến. Tin tức này ngay lập tức làm giá USD giảm lần đầu tiên trong vòng 5 ngày qua. Theo FED, lạm phát vẫn chưa đạt được mức 2% nhưng có xu hướng ổn định quanh mức mục tiêu trong trung hạn. Triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ trong năm tới được nâng từ mức 2.1% lên 2.5%/năm. Trái phiếu chính phủ tiếp tục tăng. Thị trường chứng khoán Mỹ đã có một phiên rung lắc. Điều tương tự đã xảy ra với S&P500 trong 15 phút giao dịch cuối cùng trước khi giảm vào cuối phiên. Chỉ số Russel 2000 với rổ cổ phiếu gồm những doanh nghiệp có vốn hóa nhỏ, bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi tăng trưởng kinh tế, là chỉ số có mức tăng mạnh nhất trong phiên.
- Tại châu Âu, nhà đầu tư đang rất mong chờ kết quả cuộc họp ECB thứ Năm này. Chứng khoán giảm nhẹ trong khi cả đồng Euro và Bảng Anh đều tăng.
- Dầu WTI giảm còn 57USD/thùng sau khi báo cáo về việc tăng sản lượng khai thác được đưa ra. Giá vàng và đồng đều tăng, đặc biệt đồng còn đạt mức cao nhất trong hơn tuần qua nhờ 6 phiên tăng giá liên tiếp.

**NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG RỔ VN30**

- VCB có phiên giảm giá thứ 5 liên tiếp và là một trong những mã có ảnh hưởng lớn tới phiên giảm điểm của VN30 hôm nay. Kết phiên VCB giảm 700 đ/cp để đóng cửa ở mức giá 44.000 đ/cp. Ngoài VCB thì các cổ phiếu các thuộc nhóm ngân hàng cũng đồng loạt giảm giá và là nhóm ngành chính tác động tiêu cực lên các chỉ số thị trường ngày hôm nay.
- Về mặt kỹ thuật, sau 5 phiên giảm điểm liên tiếp vừa qua đã khiến giá VCB giảm xuống dưới đường MA20 ngày là tín hiệu tiêu cực trong ngắn hạn, xác nhận xu thế điều chỉnh ngắn hạn của VCB sau giai đoạn tăng trưởng mạnh trong 2 tháng 10 - 11/2017 (giá VCB đã tăng mạnh từ 37.000 đ/cp lên mức cao nhất gần 50.000 đ/cp, tương ứng mức tăng 35%). Như vậy, với việc tiếp tục giảm giá hôm nay thì tạm thời xu thế giá VCB vẫn nằm trong trạng thái điều chỉnh, trong các phiên tới VCB có thể kiểm nghiệm vùng hỗ trợ mạnh hơn ở vùng giá 42.000 - 43.000 đ/cp.



### DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành                                  | Tỷ trọng (%) | Giá     | +/- % | H-L   | GTGD   | Điểm tác động | P/E    | P/E 2017 | P/B   |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|--------|---------------|--------|----------|-------|
| BID      | Banks                                  | 1.04         | 23,900  | -0.83 | 2.33% | 48.31  | -0.07         | 14.24  | 16.93    | 1.87  |
| BMP      | Construction & Materials               | 0.84         | 88,500  | 1.26  | 1.37% | 16.04  | 0.09          | 16.62  | 16.06    | 2.95  |
| BVH      | Nonlife Insurance                      | 0.90         | 57,500  | 0.00  | 3.21% | 20.12  | 0.00          | 27.37  | 20.07    | 2.80  |
| CII      | Construction & Materials               | 1.45         | 33,650  | -1.03 | 2.68% | 16.50  | -0.14         | 5.51   | 8.34     | 1.68  |
| CTD      | Construction & Materials               | 1.43         | 218,200 | 0.05  | 2.66% | 23.83  | 0.01          | 10.70  | 10.16    | 2.44  |
| CTG      | Banks                                  | 1.79         | 20,850  | -2.57 | 3.60% | 31.95  | -0.43         | 10.34  | 12.22    | 1.25  |
| DHG      | Pharmaceuticals & Biotechnology        | 1.19         | 112,500 | 4.46  | 3.95% | 73.75  | 0.46          | 23.34  | 21.98    | 5.21  |
| DPM      | Chemicals                              | 0.77         | 21,300  | 1.43  | 1.90% | 18.40  | 0.10          | 12.43  | 9.73     | 1.02  |
| FPT      | Fixed Line Telecommunications          | 5.36         | 54,700  | 1.86  | 2.05% | 88.28  | 0.90          | 13.34  | 11.78    | 2.73  |
| GAS      | Oil & Gas Producers                    | 1.91         | 86,600  | -0.46 | 2.31% | 84.98  | -0.08         | 18.73  | 20.37    | 4.18  |
| GMD      | Industrial Transportation              | 0.94         | 39,600  | -1.49 | 4.63% | 25.47  | -0.20         | 21.03  | 6.60     | 1.86  |
| HPG      | General Industrials                    | 8.47         | 40,300  | 1.51  | 1.76% | 167.55 | 1.15          | 7.46   | 8.20     | 2.04  |
| HSG      | Industrial Metals & Mining             | 1.35         | 23,850  | 1.06  | 2.11% | 31.65  | 0.11          | 5.21   | 5.37     | 1.68  |
| KBC      | Financial Services                     | 1.11         | 12,800  | -4.12 | 4.30% | 51.94  | -0.41         | 10.36  | 7.79     | 0.72  |
| KDC      | Food Producers                         | 1.16         | 39,000  | 0.78  | 2.34% | 5.15   | 0.08          | 14.25  | 33.37    | 1.26  |
| MBB      | Banks                                  | 5.36         | 23,250  | -3.13 | 4.09% | 57.44  | -1.58         | 10.89  | 12.05    | 1.54  |
| MSN      | Financial Services                     | 8.54         | 71,600  | -0.83 | 2.41% | 58.12  | -0.65         | 37.65  | 31.98    | 4.31  |
| MWG      | Technology Hardware & Equipment        | 5.73         | 124,100 | -1.90 | 2.66% | 53.25  | -1.01         | 19.20  | 17.64    | 7.28  |
| NT2      | Electricity                            | 0.63         | 31,750  | -2.46 | 3.78% | 2.68   | -0.15         | 13.48  | 10.15    | 1.95  |
| NVL      | Real Estate Investment & Services      | 2.69         | 62,300  | -0.32 | 1.46% | 38.11  | -0.08         | 18.35  | 15.12    | 4.07  |
| PVD      | Oil Equipment, Services & Distribution | 0.95         | 21,400  | 3.13  | 5.34% | 85.40  | 0.26          | NA     | NA       | 0.63  |
| REE      | Industrial Engineering                 | 1.69         | 39,400  | 2.60  | 5.88% | 103.55 | 0.39          | 7.43   | 8.70     | 1.59  |
| ROS      | Construction & Materials               | 3.99         | 146,200 | 0.69  | 0.76% | 192.51 | 0.25          | 155.08 | NA       | 13.72 |
| SAB      | Beverages                              | 6.97         | 314,000 | 0.32  | 2.56% | 42.28  | 0.20          | 45.68  | 43.92    | 13.58 |
| SBT      | Food Producers                         | 1.47         | 20,850  | 0.48  | 2.92% | 22.55  | 0.06          | 15.94  | NA       | 1.69  |
| SSI      | Financial Services                     | 1.93         | 26,200  | -0.95 | 2.50% | 78.84  | -0.17         | 14.09  | 14.84    | 1.45  |
| STB      | Banks                                  | 4.00         | 12,000  | -3.61 | 4.17% | 21.82  | -1.37         | 31.61  | 173.91   | 0.95  |
| VCB      | Banks                                  | 3.65         | 44,000  | -1.57 | 3.20% | 52.43  | -0.53         | 22.81  | 21.92    | 2.93  |
| VIC      | Real Estate Investment & Services      | 11.27        | 72,000  | 1.12  | 1.83% | 39.22  | 1.14          | 56.02  | 66.45    | 6.40  |
| VNM      | Food Producers                         | 11.43        | 194,800 | 0.15  | 1.51% | 126.91 | 0.16          | 30.33  | 28.34    | 11.77 |

| STT | THÔNG TIN CƠ BẢN HĐTL VN30                      | ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM HĐTL VN30   |  |
|-----|---|---|--|
| 1   | <b>Mã hợp đồng</b>                              | VN30F-yy-mm   |  |
| 2   | <b>Tài sản cơ sở</b>                            | Chỉ số cổ phiếu VN30  |  |
| 3   | <b>Hệ số nhân hợp đồng</b>                      | 100.000 đồng  |  |
| 4   | <b>Quy mô 01 hợp đồng</b>                       | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30   |  |
| 5   | <b>Tháng đáo hạn</b>                            | - Tháng hiện tại<br>- Tháng tiếp theo<br>- Hai tháng cuối 2 quý gần nhất  |  |
| 6   | <b>Phương thức giao dịch</b>                    | - Giao dịch khớp lệnh<br>- Giao dịch thỏa thuận   |  |
| 7   | <b>Thời gian giao dịch</b>                      | <b>GD khớp lệnh định kỳ</b><br>- ATO: 08h45 - 09h00<br>- ATC: 14h30 - 14h45   |  |
|     |   | <b>GD khớp lệnh liên tục</b><br>- Sáng: 09h00 - 11h30<br>- Chiều: 13h00 - 14h30   |  |
|     |   | <b>GD thỏa thuận</b><br>- 08h45 - 14h45   |  |
| 8   | <b>Các loại lệnh giao dịch</b>                  | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.  |  |
| 9   | <b>Nguyên tắc khớp lệnh</b>                     | Ưu tiên giá và thời gian.   |  |
| 10  | <b>Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh</b>      | 01 hợp đồng   |  |
| 11  | <b>Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh</b>         | 500 hợp đồng  |  |
| 12  | <b>Đơn vị yết giá/ Bước giá</b>                 | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng   |  |
| 13  | <b>Biên độ giao động</b>                        | +/- 7%  |  |
| 14  | <b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>                 | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.  |  |
| 15  | <b>Ngày thanh toán cuối cùng</b>                | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.  |  |
| 16  | <b>Phương thức thanh toán</b>                   | Thanh toán bằng tiền  |  |
| 17  | <b>Giá thanh toán hàng ngày</b>                 | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.   |  |
| 18  | <b>Giá thanh toán cuối cùng</b>                 | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.   |  |
| 19  | <b>Giá tham chiếu</b>                           | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.  |  |
| 20  | <b>Mở tài khoản</b>                             | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.                                    |  |
| 21  | <b>Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK</b> | <b>NĐT CK chuyên nghiệp</b>   | 20.000 hợp đồng                              |
|     |   | <b>NĐT tổ chức</b>  | 10.000 hợp đồng                              |
|     |   | <b>NĐT cá nhân</b>  | 5.000 hợp đồng                               |
| 22  | <b>Mức ký quỹ ban đầu</b>                       | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |  |
| 23  | <b>Mức ký quỹ duy trì</b>                       | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong tài khoản đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.   |  |
| 24  | <b>Ký quỹ bổ sung</b>                           | Nộp tài sản bổ sung để số dư tài khoản ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc chấp nhận đóng bớt vị thế trên tài khoản của nhà đầu tư để đảm bảo tiếp tục giao dịch.   |  |
| 25  | <b>Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ</b>             | Tỷ lệ tài sản ký quỹ đã được dùng trong các giao dịch phái sinh của nhà đầu tư tính trên giá trị tài sản ký quỹ thực có.  |  |
| 26  | <b>Ngưỡng cảnh báo vi phạm tỷ lệ ký quỹ</b>     | <b>Mức độ 1</b>   | Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ đạt ngưỡng 80%  |
|     |   | <b>Mức độ 2</b>   | Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ đạt ngưỡng 90%  |
|     |   | <b>Mức độ 3</b>   | Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ đạt ngưỡng 100% |
| 27  | <b>Thoát khỏi hợp đồng đang tham gia</b>        | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.   |  |

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

|                   |                               |  |
|-------------------|-------------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn    | Trưởng bộ phận/Kiểm soát      | <a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a>   |
| Nguyễn Việt Đức   | Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp | <a href="mailto:duc.nguyenviet@mbs.com.vn">duc.nguyenviet@mbs.com.vn</a> |
| Đỗ Bảo Ngọc       | Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp | <a href="mailto:ngoc1.dobao@mbs.com.vn">ngoc1.dobao@mbs.com.vn</a>       |
| Phạm Văn Quỳnh    | Chuyên viên Nghiên cứu        | <a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a>   |
| Nguyễn Hòa Hợp    | Chuyên viên Nghiên cứu        | <a href="mailto:hop.nguyenhoa@mbs.com.vn">hop.nguyenhoa@mbs.com.vn</a>   |
| Nguyễn Thị Hải Hà | Chuyên viên Nghiên cứu        | <a href="mailto:ha.nguyenthai@mbs.com.vn">ha.nguyenthai@mbs.com.vn</a>   |